TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B

- Bị đơn: Ông Thái Khắc D, sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông D đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/1996 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh B, hôn nhân tự nguyện.

Thời gian đầu bà T và ông D chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà T và ông D nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Ông D thường xuyên uống rượu về gây gỗ, cãi vã, đánh đập bà T. Bà T có báo công an phường T về việc ông D đánh đập bà T, Công an có gọi ông D lên làm việc nhưng bà T không giữ biên bản làm việc nên không có chứng cứ, tài liệu cung cấp cho Tòa án.

Bà T đã cố gắng hàn gắn với ông D nhưng không thành. Tháng 02 năm 2020 Bà T đã nộp đơn tại Tòa án thị xã Bến Cát sau đó Tòa án hòa giải nên bà T rút đơn để vợ chồng về hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn vẫn xảy ra. Vì mâu thuẫn quá trầm trọng nên bà T đã bỏ ra nhà trọ sinh sống từ khoảng tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông D đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết như sau :

Về hôn nhân : Yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung là Thái Khắc Kim Duyên, sinh năm 1993 và Thái Ngọc Tiền, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, bà T cũng có đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông D tại nơi cư trú. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông D, ông D đã trực tiếp ký nhận các văn bản trên. Tuy nhiên, ông D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn phản tố đối với nguyên đơn.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Thái Khắc D hiện cư trú tại khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn đã có ý kiến xin được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi bị đơn ông D cư trú, Công an phường T xác nhận bị đơn ông D hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ bằng hình thức tống đạt trực tiếp 02 lần các văn bản tố tụng cho ông D để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa ông D vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông D.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/1996 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh B (nay là phường T, thị xã B, tỉnh B). Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà T cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông D đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, quá trình làm việc tại Tòa án, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án và ông cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định. Tại Biên bản xác minh ngày 03/9/2020, Đại diện khu phố 3, phường T và Công an phường T đều xác nhận: Ông D và bà T chung sống với nhau nhưng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, ông D thường xuyên uống rượu về gây gỗ, đánh đập bà T. Bà T nhiều lần báo địa phương và địa phương có khuyên ngăn nhưng ông D không thay đổi, vợ chồng vẫn nảy sinh mâu thuẫn, hiện bà T đã ra ngoài sinh sống, vợ chồng không còn ở chung với nhau. Ngoài ra, Công an phường có mời ông D lên làm việc khi nhận được trình báo của bà T về việc ông D đánh bà T, sau đó, bà T không yêu cầu xử lý nên Công an phường không giải quyết nữa.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim T đối với bị đơn ông Thái Khắc D về việc: "Tranh chấp ly hôn" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Thái Khắc D.

- Về con chung: Con chung đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0047815 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND phường T,
thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Bích